

TẬP QUÁN CƯ TRÚ VÀ NHÀ Ở CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

NGUYỄN KHẮC TỤNG

A. MỞ ĐẦU

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, bên cạnh người Việt chiếm số đông còn có 53 dân tộc thiểu số, anh em cùng chung sống. Về cư trú và nhà ở cổ truyền, hầu như dân tộc nào cũng có những yếu tố mang bản sắc và tập quán riêng. Những yếu tố này được biểu hiện cụ thể ở các hình thái cư trú, ở các loại hình, các dạng khác nhau, ở kết cấu bộ khung, ở cách tổ chức mặt bằng sinh hoạt, ở phong tục tập quán liên quan đến nhà...

Trải qua bao năm tháng, kinh tế - xã hội thay đổi, nhà của các dân tộc cũng thay đổi. Nhưng chưa bao giờ có những thay đổi to lớn và nhanh chóng - về số lượng cũng như chất lượng - như vài thập kỷ qua. Có thể nói, sự thay đổi này bằng nhiều thế kỷ cộng lại. Điều đó chứng tỏ đời sống của nhân dân các dân tộc đang được cải thiện và ngày càng khấm khá hơn.

Sự thay đổi đó không chỉ là một sự kiện lớn của lịch sử phát triển nhà của các dân tộc mà còn là thành quả quan trọng của đường lối kinh tế mới của thời mở cửa và chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta.

Trong bài viết này, tôi sẽ trình bày một số hiểu biết của mình về tập quán cư trú, các đặc điểm của nhà ở, các phong tục, tập quán liên quan đến nhà và quá trình chuyển đổi của nhà ở cổ truyền các dân tộc thiểu số Việt Nam.

I. TẬP QUÁN CƯ TRÚ VÀ NHÀ Ở CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

Tập quán cư trú của các dân tộc được thể hiện chủ yếu ở các "cư điểm" mà người Việt gọi là *làng*, đó là một bộ phận cư dân của một dân tộc tụ cư trên một phạm vi đất đai, có ranh giới được xác định. Các cư điểm này thường tương ứng với một công xã nông thôn (công xã lán giềng), đồng thời cũng là một đơn vị xã hội cơ bản của xã hội cổ truyền các dân tộc.

Tên gọi của các cư điểm như vậy ở các dân tộc có khác nhau: *mường* (Mường), *bản* (Tày, Nùng, Thái, Cao Lan...), *vil, vel* (Chứt), *plây, plơi, pa lây* (Ba-na, Xơ-đăng, Giẻ-Triêng, Gia-rai, Ra-glai, Chu-ru, Chăm...), *buôn, bon* (Ê-đê, Xtiêng, Mnông, Cơ-ho, Mạ), *đê* (Rơ-măm), *sruk* (Brâu), *sóc* (Khơ-me)...

Ở đây tôi không nói đến cơ cấu tổ chức của làng, xã mà chỉ đề cập đến nó về mặt hình thái. Diện mạo và qui mô của làng (chúng tôi dùng thuật ngữ làng thay cho tên gọi của các dân tộc cho tiện - NKT) các dân tộc khá đa dạng và phức tạp vì nó lệ thuộc chủ yếu vào địa hình và quá trình phát triển dân cư. Dù vậy, cũng có thể qui về một số dạng cơ bản sau:

- *Dạng làng mật tập*: Các nhà trong làng không được bố trí theo một nguyên tắc nhất định nên diện mạo của nó rất đa dạng (Việt, Mường, Tày, Thái, Nùng, Cao Lan, Sán Diu...).

- *Dạng làng hình bầu dục hoặc hình vành khuyên và các biến dạng là hình vuông hoặc hình chữ nhật*: Các nhà trong làng được xây cất theo một bố cục chặt chẽ trên một hình bầu dục hoặc một hình vòng tròn bao quanh một ngôi nhà công cộng ở trung tâm. Hoặc nhà công cộng được xây liền chuỗi với các nhà ở, không gian ở giữa là một cái sân rộng (Cơ - tu, Bru-Vân Kiều, Giẻ - Triêng, Rơ - măm).

- *Dạng làng nửa vành khuyên*: Một nửa của dạng làng vừa nêu (Pa - cô, Ba - hi, Xơ - đăng).

- *Dạng làng hình "bánh xe"*: Dạng làng này chỉ khác dạng làng hình vành khuyên ở chỗ các nhà đầu hồi mở cửa chính đều hướng tâm - hướng vào ngôi nhà công cộng ở trung tâm - trông tựa như một hình bánh xe (Brâu, Tà - ôi).

- *Dạng làng hình "chữ nhất", "chữ nhị" hoặc "chữ tam"*: Làng chỉ có một nóc nhà dài hay hai, ba nhà xếp song song (Giẻ - Triêng, Co, Mạ, Bơ - noong, Pa - cô).

- *Dạng làng có định hướng*: Mọi nhà trong làng đều quay theo một hướng, thường nhà được làm hai bên một con lộ chính chạy dọc làng theo hướng bắc - nam (Ê - đê, Gia - rai) (ảnh 1).

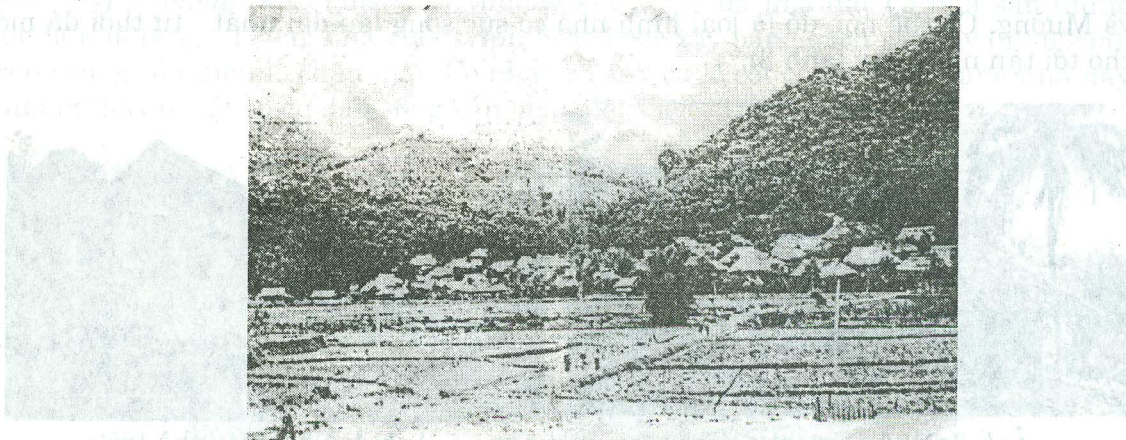


Ảnh 1: Làng của người Ê-đê

Sự hình thành và phát triển của làng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, tự nhiên cũng như xã hội. Song dù thuộc dạng làng nào, được xây dựng trên một địa hình diện mạo nào, của bất kỳ một dân tộc nào cũng cần được đáp ứng một số nhu cầu sau:

- Trước hết, nơi lập làng phải thoả mãn được những yêu cầu về đất trồng trọt, đất chăn thả gia súc và nguồn thực phẩm tự nhiên (măng, rau, củ, quả, côn trùng, chim, thú...).

Làng cần đáp ứng được nhu cầu về nước dùng cho sinh hoạt và sản xuất, nên làng thường được thiết lập gần các nguồn nước (sông, ngòi, suối, khe). Mặt khác, làng cũng cần gần nơi có khả năng cung cấp chất đốt - chủ yếu là thực vật tự nhiên (ảnh 2).



Ảnh 2: Làng của người Thái Đen, Sơn La

Xa xưa, tình hình an ninh ở các dân tộc thường không ổn định do nhiều nguy cơ: thú dữ, trộm cướp, chiến tranh giữa các làng (Tây Nguyên và Bắc Trường Sơn), giặc giã... cho nên làng còn cần ở những nơi có khả năng phòng chống tốt (địa hình hiểm trở, hẻo lánh). Nếu không có điều kiện như vậy, người ta phải tạo ra cái vỏ bao quanh làng sao cho thật kiên cố (đắp lũy bằng đất, đá, rào bằng gỗ nguyên cây, thả chông, đặt bẫy). Do vậy, các làng nói trên đã trở thành dạng "làng phòng thủ".

Làng của bất kỳ dân tộc nào, thuộc ngôn ngữ nào trên đất nước ta, ở đồng bằng, trên núi cao hay hải đảo xa xôi... đều là mái ấm của các dân cư trong đó. Nó là mối dây liên kết nhiều mặt của cuộc sống vật chất cũng như tinh thần của các thành viên trong cộng đồng bé nhỏ này. Nó là sợi dây liên hệ giữa những người đang sống và sẽ ra đời với những người đã khuất trên mảnh đất làng. Nó còn là nơi chia sẻ những nỗi vui buồn của cả cộng đồng qua những hội làng sôi động, những mối tình thơ mộng, ... và cả những đớn đau khi làng mất đi một người thân, khi dịch bệnh hoành hành, khi mùa màng thất bát, cơ cấu... Nơi ấy, còn ẩn tàng biết bao sự kiện lịch sử đã vùi lấp bởi lớp bụi thời gian và những cái hay, cái đẹp cũng như những cái lạc hậu, lỗi thời đã được lưu giữ qua bao thế hệ.

Làng là quê hương, làng là những pho sử nhỏ của các cư dân các dân tộc là thế.

II. NHÀ CỦA CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

2.1. Nhà cổ truyền - những đặc điểm cơ bản

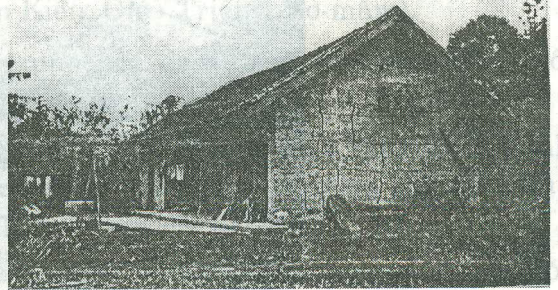
2.1.1. Các loại hình nhà cổ truyền

Nhà cổ truyền các dân tộc nước ta có thể quy vào ba loại hình như sau: nhà sàn, nhà đất (nhà trệt) và nhà nửa sàn - nửa đất.

- *Nhà sàn*, là loại hình không chỉ cổ nhất mà còn có mặt ở hầu khắp các dân tộc nước ta. Ngay như một số cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến, Hmông - Dao và Hoa vốn là những cư dân ở nhà đất thì nay vẫn còn giữ được nhà sàn, trước hết là các cư dân Môn - Khơ me, sau đó là các cư dân Malayô - Pôlinêxia, Tày - Thái và Mường. Có thể nói, đó là loại hình nhà có sức sống lâu dài nhất - từ thời đá mới cho tới tận ngày nay (ảnh 3).



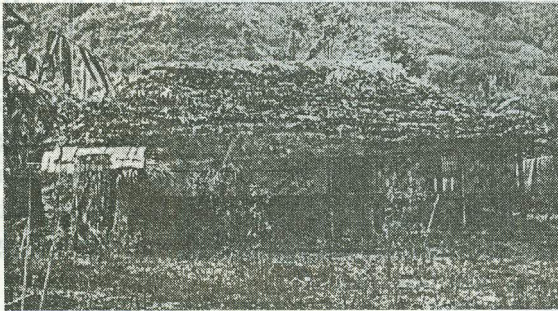
Ảnh 3: Nhà sàn



Ảnh 4: Nhà đất (nhà trệt)

- *Nhà đất*, là loại hình cổ xưa của các cư dân Tạng - Miến, Hmông - Dao và Hán. Còn đối với các cư dân khác ở nước ta thì chỉ là loại hình có sau nhà sàn. Song sự ra đời của nhà đất ở các cư dân này có sớm muộn khác nhau (ảnh 4).

- *Nhà nửa sàn - nửa đất*, loại hình ít phổ biến ở nước ta, chủ yếu là của một số cư dân nương rẫy du canh - du cư trên nền đất dốc. Nhà được chia thành hai phần theo chiều dọc: một phần là nền đất, một phần là sàn (ảnh 5). Còn một dạng nhà nửa sàn - nửa đất nữa nhưng nhà được chia theo chiều ngang. Đó là dạng nhà trung gian của quá trình nhà sàn chuyển thành nhà đất.



Ảnh 5: Nhà nửa sàn - nửa đất



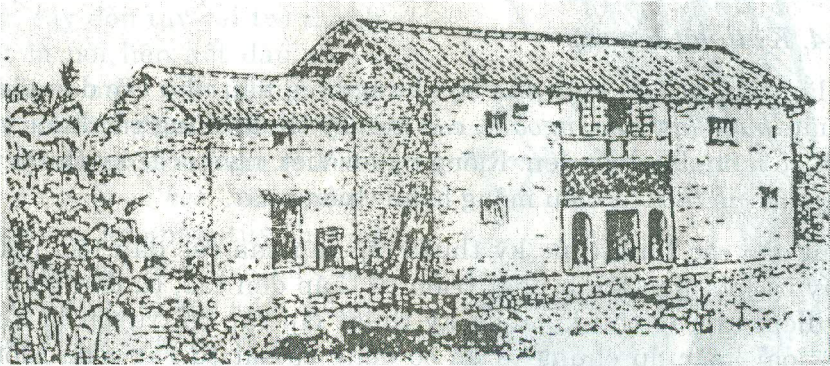
Ảnh 6: Nhà dài

Ngoài ba loại hình nhà nói trên còn vài dạng nhà đặc biệt: Bên cạnh những nhà ngắn đang là hiện tượng phổ biến trong cả nước, còn có dạng *nhà dài* và *nhà phòng thủ*.

- *Nhà dài*, dạng này chủ yếu vẫn là nhà sàn. Kết cấu bộ khung nhà không khác gì nhà ngắn. Điều đáng quan tâm ở đây là cái được "chứa đựng" trong nó là hình thái gia đình lớn mẫu hệ hoặc phụ hệ. Với các dân tộc ở nước ta thì hình thái gia đình này đang trong quá trình tan rã, nói đúng hơn, chỉ còn là tàn dư của hình

thái gia đình ấy. Nhà dài tồn tại ở một số cư dân Môn - Khơ me và Malayô - Pôlinêxia từ Bắc Trường Sơn qua Tây Nguyên tới cực nam Trung bộ (Cơ-tu, Tà-ôi, Hrê, Giê-Triêng, Xơ-dăng, Mnông, Mạ, Cơ-ho, Gia-rai, Ê-đê) (ảnh 6).

- *Nhà phòng thủ*, dạng này thường kết hợp giữa nhà đất và nhà sàn (đúng hơn là nhà tầng). Tường nhà được trình hoặc xây bằng gạch rất dày (40-60cm), trên tường có nhiều lỗ châu mai. Có nhà còn xây cả lô cốt chiến đấu. Dạng nhà này thường thấy ở một số cư dân sống gần biên giới Việt - Trung (hình 1).



Hình 1: Nhà phòng thủ

2.1.2. Vật liệu xây dựng

Vật liệu xây dựng nhà cổ truyền các dân tộc nước ta chủ yếu là thảo mộc, đất đá cũng dùng, nhưng số lượng không nhiều. Tre, nứa, cỏ tranh, lá gồi, lá dừa, dây rừng, gỗ rừng... là những vật liệu chính yếu. Khắp đất nước ở đâu người ta cũng có thể kiếm được những vật liệu tại chỗ. Gỗ là thứ vật liệu cơ bản, không dân tộc nào không dùng gỗ để làm nhà. Nước ta vốn có nhiều rừng và có nhiều gỗ tốt. Nhưng gỗ rừng cũng không phải là nguồn tài nguyên vô tận. Rừng bị tàn phá ngày càng cạn kiệt, gỗ hiếm dần cho nên một số cư dân đã phải dùng thêm gỗ trồng trong vườn nhà hoặc phải dùng các vật liệu mới. Những vật liệu mới này tuy có bền chắc hơn các vật liệu cổ truyền, nhưng nó đã có tác động to lớn đến quy cách xây dựng cổ truyền của các dân tộc.

2.1.3. Thợ xây dựng và bộ đồ nghề

Hầu hết các dân tộc trong nước ta, trừ người Việt, chưa có những người thợ chuyên làm nhà. Mọi người trong cộng đồng (gia đình, xóm, làng) đều có thể tham gia vào công việc xây dựng nhà cửa. Những công việc nặng nhọc và đòi hỏi kỹ thuật phức tạp thường do đàn ông đảm nhiệm. Riêng người Việt, từ lâu đã có những người thợ chuyên làm nhà. Song họ cũng chưa bao giờ đoạn tuyệt hẳn với nghề nông. Những người thợ này tập hợp lại với nhau thành từng "hiệp" (khoảng 5, 7 người) và thường tiến hành công việc vào những dịp "nông nhàn".

Về dụng cụ dùng trong xây dựng, chủ yếu là những dụng cụ thông thường dùng vào nhiều việc hàng ngày, trừ các hiệp thợ mới có những dụng cụ chuyên dùng. Cây rựa và cây rìu là hai dụng cụ chủ lực dùng vào việc tạo tác nhà cửa và có

mặt ở hầu hết khắp các dân tộc. Ngoài ra, còn có một dụng cụ đặc biệt chỉ có những cư dân Tây Nguyên và cực nam Trung bộ, đó là cây *xà gạc*. Còn có các dụng cụ như: cửa, bào, đục (các loại), dây mực, thước thợ, ... đã có từ lâu, nhưng có lẽ sớm hơn cả là ở người Việt. Có điều đáng chú ý là trong bộ đồ nghề của thợ chuyên làm nhà của người Việt, người ta không thấy cây rựa. Ngay những việc đáng lẽ phải dùng đến cây rựa, thì những người thợ lại dùng rìu. Ở một số dân tộc, có những việc đáng lẽ phải dùng đến đục thì người ta lại dùng rìu hoặc búa, chẳng hạn như bỏ các lỗ mộng ở thân cây cột (Mường, Tày, Nùng, Cao Lan, Ba-na,...).

2.1.4. Kỹ thuật lắp ráp

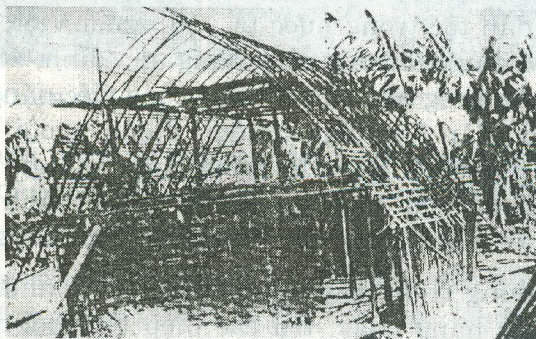
Để lắp ráp các cấu kiện của bộ khung nhà, hầu như các dân tộc ở nước ta đều có kỹ thuật: *buộc lạt, néo, ngoãm, con xỏ*. Kỹ thuật dùng các kiểu mộng đơn giản, chỉ có một số ít cư dân biết đến. Riêng người Việt, ngoài các kỹ thuật nói trên còn có kiểu *mộng mang thắt* là kiểu mộng hoàn thiện nhất.

Nhìn vào các hình thức kỹ thuật lắp ráp của các dân tộc, người ta dễ dàng nhận thấy cả một quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Một đặc điểm khá lý thú là trong kỹ thuật lắp ráp cổ truyền là không dùng đến đinh kim loại, mặc dù chúng ta đã có đồng và sắt từ rất sớm. Một số hình thức giống như đinh, con xỏ, con then, đinh kèo, người ta cũng làm bằng tre hay gỗ.

2.1.5. Kết cấu bộ khung nhà

Như đã biết, nhà cổ truyền của các dân tộc Việt Nam chủ yếu làm bằng thảo mộc. Do vậy, cái cần quan tâm đặc biệt là kết cấu kỹ thuật của bộ khung nhà. Mà bộ khung được hình thành trên cơ sở các kiểu vì. Mặc dù có nhiều kiểu, nhiều dạng vì khác nhau, nhưng cũng có thể xếp vào ba loại chính: *vì cột, vì trung gian giữa các vì cột và vì kèo, vì kèo*. Nhìn vào ba loại vì chính này chúng ta cũng có thể thấy quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp giống như kỹ thuật lắp ráp.

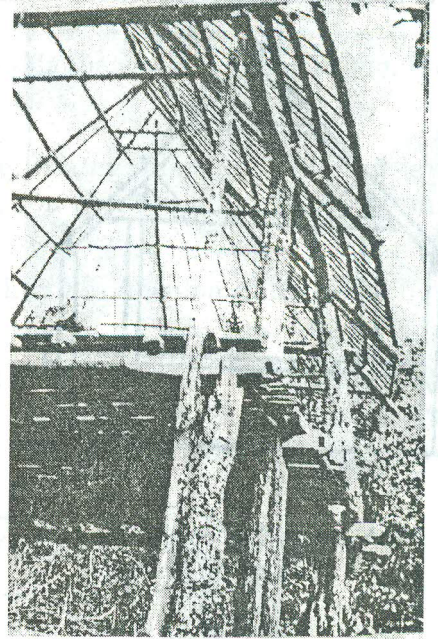
- *Vì cột*: Kiểu vì này chỉ có cột, *xà ngang và đòn tay cái*. Đầu xà ngang giáp vào đầu cột, đầu cây đòn tay cái gác lên đầu xà ngang về phía bên trong hoặc bên ngoài đầu cột. Hoặc ngược lại: xà ngang gác lên đòn tay cái (Gia-rai, Chăm, Raglai, Cơ- ho, Mạ...) (ảnh 7).



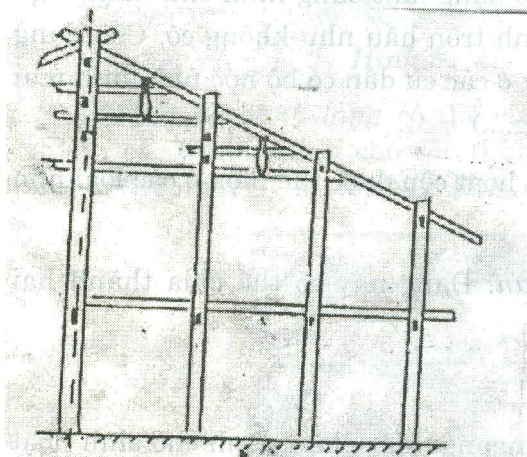
Ảnh 7: Bộ khung nhà Cơ- ho với kiểu vì cột

- *Vì trung gian giữa vì cột và vì kèo*: đây là vì cột đang trong quá trình chuyển thành vì kèo bởi lẽ đã có cây kèo (cột, xà, kèo) nhưng còn cây đòn tay cái. Cây kèo ở đây chưa có mối liên hệ gắn bó với đầu cột như ở vì kèo. Kèo không ráp vào đầu cột mà gác trên đòn tay cái (Mường, Thái Đen, Sán Dìu, Dao, Hrê, Ê- đê,...) (ảnh 8).

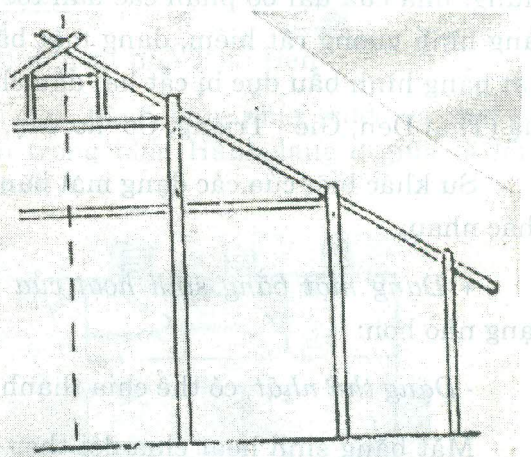
- *Vì kèo*: Kiểu vì này chỉ có ba thành tố: *kèo - cột - xà*, cây đòn tay cái trở thành xà dọc. Đầu cột là nơi liên kết đầu xà và cây kèo tạo thành một thể thống nhất vững chắc. Vì kèo đơn giản nhất và phổ biến nhất ở nhiều dân tộc là kiểu *vì kèo - quá giang - hai cột* hoặc *vì kèo - xà ngang - ba cột*. Từ hai kiểu vì kèo này, tùy theo sở thích và tâm lý của các dân tộc mà hình thành các kiểu, các dạng vì kèo khác nhau: vì kèo nhà người Hmông khác vì kèo nhà người Tày, vì kèo nhà người Tày khác vì kèo nhà người Việt,... Với nhà người Tày, từ kiểu vì kèo 3 cột phát triển thành vì kèo 7 cột, con số 7 này đã là tới hạn. Còn với nhà người Việt lại khác, họ cũng có kiểu vì kèo 3 cột, kiểu vì kèo này ngưng đọng lại, còn kiểu vì kèo 2 cột lại phát triển thành nhiều dạng khác nhau. Kiểu vì kèo nhiều cột nhất cũng không quá 6 cột (hình 2 và 3).



Ảnh 8: Bộ khung nhà Mường với kiểu vì trung gian giữa vì cột và vì kèo

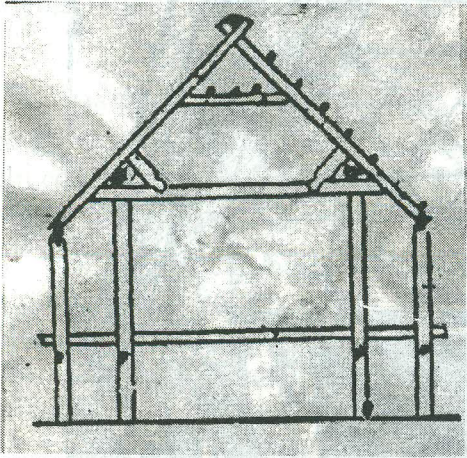


Hình 2: Nửa vì kèo 7 cột nhà người Tày

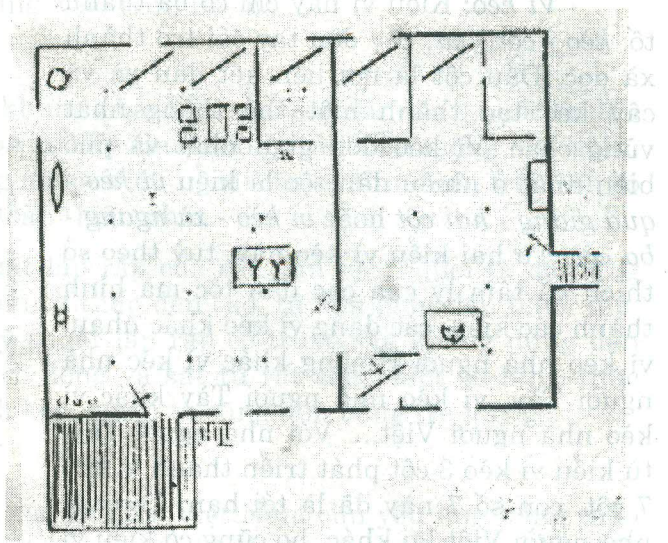


Hình 3: Nửa vì kèo 6 cột nhà người Việt.

Không chỉ có thế, những dạng vì của nhà các dân tộc lại có những chi tiết như là những yếu tố mang tính đặc trưng tộc người, như: ở cây kèo nhà người Mường có cài cựa gà (*pà wắc*) gác lên đòn tay cái để đỡ kèo (Hình 4) các trụ ngắn hình quả bầu (*nghe qua*), đầu giáp vào thân kèo, chân đứng lên xà ngang kẹp giữa hai cột hai bên của vì kèo nhà người Tày (xem hình 2). Các giá chiêng đứng trên lưng cầu đầu của vì kèo nhà người Việt (xem hình 3).



Hình 4: Cây kèo có cài cựa gà của người Mường



Hình 5: Mặt bằng sinh hoạt nhà người Tày

2.1.6. Tổ chức mặt bằng sinh hoạt

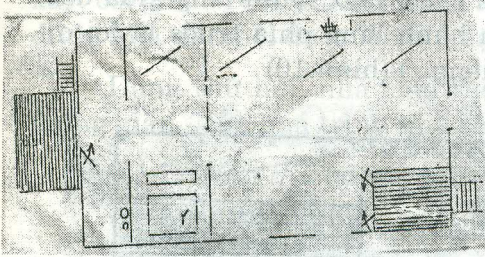
Mặt bằng sinh hoạt của nhà các dân tộc nước ta khá đa dạng. Song nhìn chung: nhà của đại bộ phận các dân tộc đều có dạng mặt bằng hình chữ nhật, mặt bằng hình vuông rất hiếm, dạng mặt bằng hình tròn hầu như không có. Còn dạng mặt bằng hình bầu dục bị cắt hai đầu chỉ thấy ở các cư dân có bộ nóc nhà hình mái rùa (Thái Đen, Giẻ - Triêng, Cơ - ho, Mạ, Xtiêng,...)

Sự khác biệt của các dạng mặt bằng sinh hoạt còn được thể hiện ở các loại nhà khác nhau:

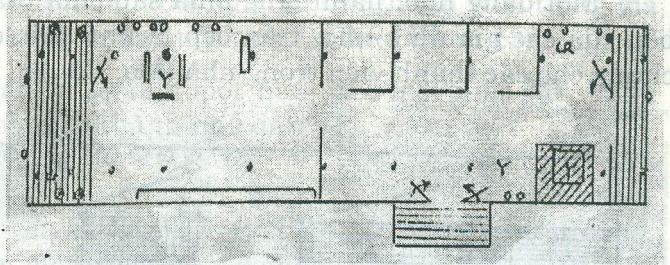
+ *Dạng mặt bằng sinh hoạt của nhà sàn*: Dạng này có thể chia thành hai dạng nhỏ hơn:

- *Dạng thứ nhất*, có thể chia thành hai:

Mặt bằng sinh hoạt chia đôi theo chiều ngang: Một phần dành cho sinh hoạt của nữ, đồng thời còn là nơi đặt bếp. Còn một phần dành cho sinh hoạt của nam, nơi đây còn có bàn thờ tổ tiên (Mường, Tày,...) (hình 5 và 6).



Hình 6: Mặt bằng sinh hoạt nhà người Mường

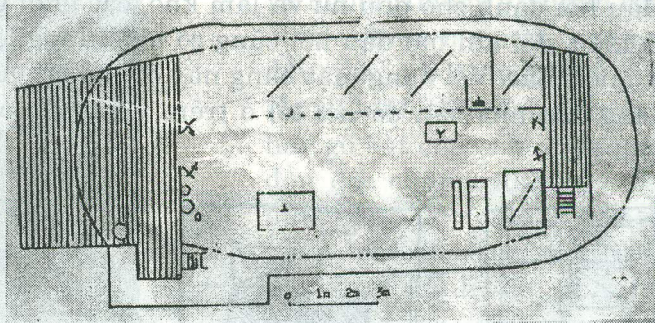


Hình 7: Mặt bằng sinh hoạt nhà người Ê-đê

Nhà cũng được chia đôi theo chiều ngang, nhưng phần dành cho nữ lại chia đôi theo chiều dọc: một nửa dành làm nơi ngủ, còn một nửa là lối đi trong nhà (Ê-đê) (Hình 7).

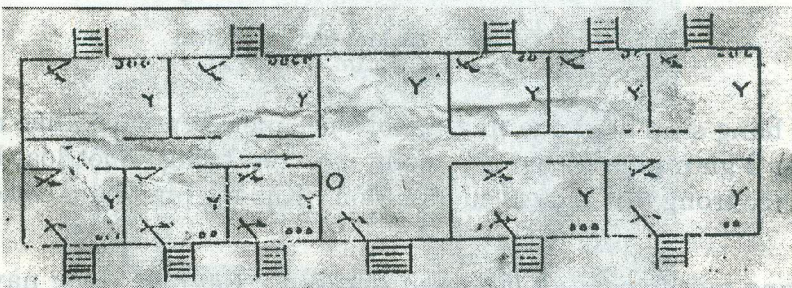
- *Dạng thứ hai*, mặt bằng sinh hoạt chia làm hai hoặc ba hành lang chạy dọc nhà.

Dạng hai hành lang, hành lang phía sau chia thành các ô nhỏ hoặc để trống dành cho sinh hoạt của các thành viên trong nhà (cá nhân và các gia đình nhỏ). Hành lang phía trước là lối đi (Thái Đen, Chứt, Gia-rai) (hình 8).



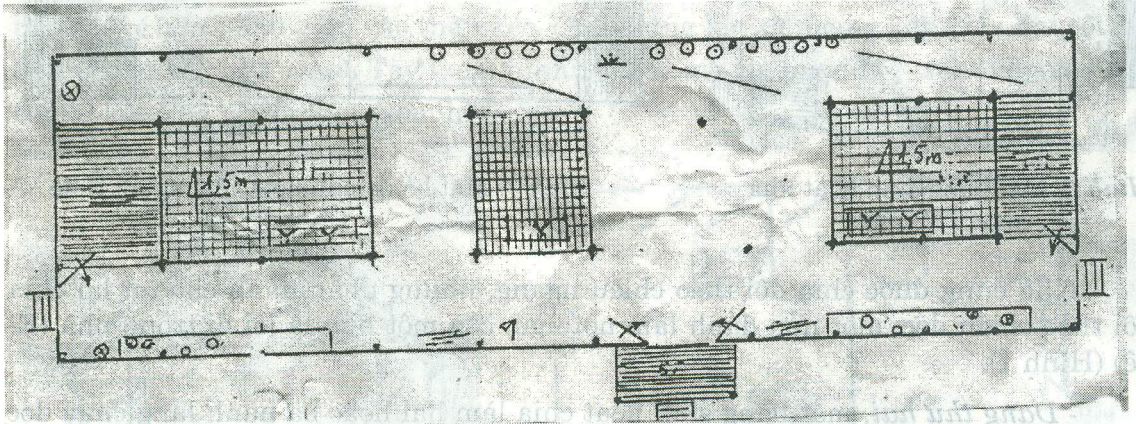
Hình 8: Mặt bằng sinh hoạt nhà Thái Đen

Dạng ba hành lang có thể chia làm hai: hành lang phía trước và sau chia thành các ô nhỏ dành cho các thành viên trong nhà. Hành lang ở giữa là lối đi chung (Rơ-măm, Giê-Triêng, Hrê,...) (hình 9).



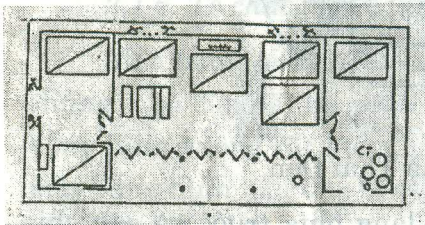
Hình 9: Mặt bằng sinh hoạt nhà người Romăm

Một dạng nữa, hành lang phía sau chia thành các ô nhỏ, hành lang giữa đặt bếp của các gia đình nhỏ, trên bếp là kho thóc còn hành lang phía trước là lối đi chung cho các thành viên trong nhà (Mạ, Cơ- ho, Xtiêng...) (hình 10).

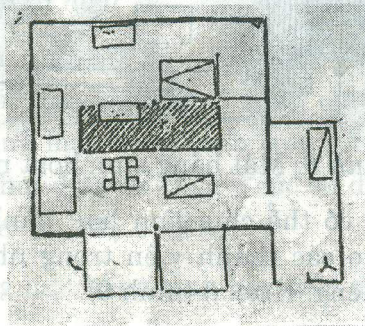


Hình 10: Mặt bằng ngôi nhà có hai hành lang: hành lang phía sau chia thành các ô nhỏ, hành lang phía trước là lối đi chung.

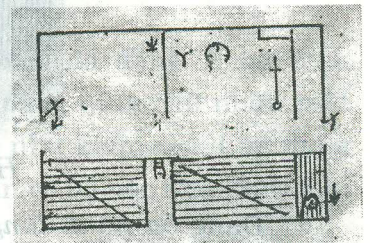
+ *Dạng mặt bằng sinh hoạt của nhà đất*: Dạng mặt bằng này thường chia theo từng gian, đầu hồi dành cho phụ nữ và làm kho, các gian giữa dành cho nam. Mặt trước nhà có hiên, đôi khi hai đầu hồi cũng có hiên dùng lối đi. Dạng này phổ biến ở người Việt miền Bắc. Với dạng mặt bằng này có thể là lưu ảnh của dạng mặt bằng hai hành lang của nhà sàn đã nói tới ở trên. Cái khác chỉ là mặt sàn thay bằng mặt đất (hình 11).



Hình 11: Mặt bằng sinh hoạt của người Việt miền Bắc



Hình 12: Mặt bằng sinh hoạt nhà người Việt miền Trung



Hình 13: Mặt bằng sinh hoạt nhà người Dao

Mặt bằng sinh hoạt của nhà người Việt miền Trung có khác nhà miền Bắc là nhà rường, ở gian giữa có hai cái rương đặt trên trống - một loại kho thóc - giống như kho thóc trong nhà một số cư dân Môn - Khơ me phía nam (Xtiêng, Cơ- ho, Mạ) (hình 12).

+ *Dạng mặt bằng sinh hoạt nhà nửa sàn - nửa đất*: Dạng này chia thành hai dạng: Nhà chia theo chiều dọc: Nửa phía sau là nền đất, nơi đặt bàn thờ, bếp, cối

xây, cối giã,... Nửa phía trước là sàn, dành làm nơi ngủ của các thành viên trong gia đình. Một đầu hồi được làm nơi đặt thùng đựng nước tắm,... (Dao) (hình 13).

Dạng thứ hai, nhà chia theo chiều ngang: một nửa sàn, một nửa đất- khâu trung gian - của quá trình nhà sàn chuyển thành nhà đất.

2.1.7. Hình thù bộ nóc

Vật liệu lợp nhà cổ truyền chủ yếu là: *lá gồi, lá dứa, lá mía, lá mây rừng, rơm, rạ, bổi, ngói âm dương, ngói vẩy, ván mỏng* (chỉ thấy ở người Hmông).

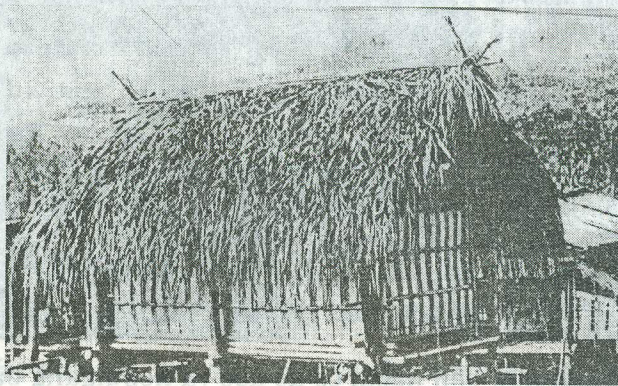
Còn về bộ nóc nếu không kể kiểu nóc một một mái (lều, chòi) thì bộ nóc nhà các dân tộc nước ta phổ biến là dạng nóc hai mái và bốn mái, ba mái cũng có nhưng ít hơn và bộ nóc hình "mai rùa".

- *Dạng nóc hai mái*: Mỗi nóc chỉ có hai mái chính trước và sau nhà. Hai mái đều hình chữ nhật, trừ một vài trường hợp mái hình thang cân lộn ngược. Dạng nóc này đầu dốc nhô ra phía trước giống như nhà của một số cư dân ở Indônêxia (ảnh 4, 9).

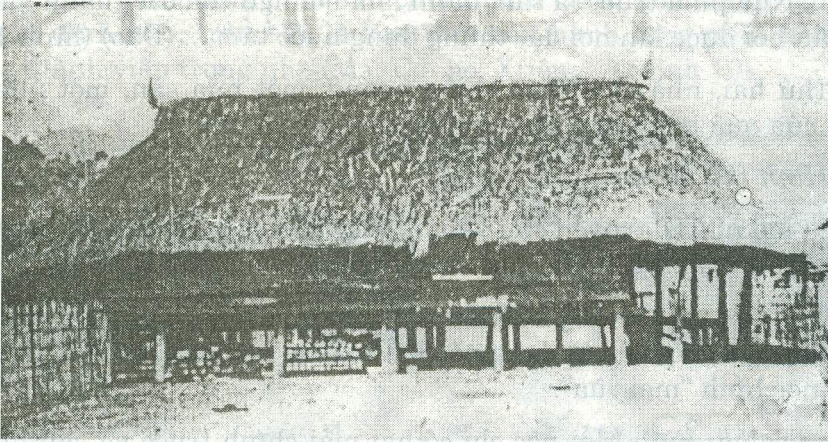


Ảnh 9; Nóc hai mái đầu dốc nhô ra phía trước

- *Dạng nóc hình "mai rùa"*: Dạng nóc này phổ biến hầu khắp ở các cư dân Môn - Khơ me và còn thấy ở người Thái Đen và người Hmông ở Thuận Châu - Sơn La. Nhà có hình mai rùa, thường có "bộ sừng đầu dốc". Bộ sừng này khá đa dạng. Ngoài hình thức đơn giản là hai đoạn tre hay gỗ bắt chéo nhau nhô lên khỏi chòm đầu dốc chừng 40-50cm. Còn có những hình thức độc đáo có giá trị như là để phân biệt nhà của dân tộc này với dân tộc khác: Hình đầu chim câu của nhà người Tà-ôi, đôi sừng trâu của nhà người Giẻ - Triêng, "*cút pua*" của người Thái Đen... (ảnh 10, 11).



Ảnh 10; Bộ đầu dốc nhà người Bờu



Ảnh 11: Bộ sừng đầu dốc nhà người Giê- Triêng

- *Dạng nóc 4 mái*: Hai mái chính trước và sau còn thêm hai mái nhỏ ở hai đầu hồi. Hai mái hồi có nhiều dạng khác nhau. Song phổ biến là hình tam giác cân (nếu không có “khu đi”) và hình thang cân (nếu có “khu đi”).

2.1.8. Cái vỏ bao quanh nhà (vách, đố, tường)

- *Vách* đan bằng tre, nứa hoặc làm bằng xương tre vát rôm, rạ trộn bùn phổ biến ở hầu hết các dân tộc. Có nơi còn làm bằng vách, bằng lá dứa, lá cọ, cây ngô (Hmông), cỏ tranh. Một số cư dân ở Bắc Trường Sơn và Tây Nguyên, bên ngoài lớp vách nứa, người ta còn dựng một lớp đố dọc và những nẹp ngang bằng cây lồ ô. Vách được cấu tạo như vậy không chỉ thêm chắc chắn mà còn như là một hình thức trang trí và vách thường được che nghiêng theo thế “thượng thách hạ thu” (ảnh 12).



Ảnh 12: Vách nứa bên ngoài có đố dọc và nẹp ngang bằng cây lồ ô được che nghiêng theo thế “thượng thách hạ thu”

- *Đố*: làm bằng ván mỏng, cũng phổ biến ở nhiều dân tộc (ảnh 3)
- *Tường*: đắp bằng đất, trình, xây gạch mộc, gạch nung, đá vôi, đá cuội, đá ong (Việt, Tày, Nùng, Hoa, Sán Diu, Dao, Cao Lan, Sán Chỉ và một số cư dân Tạng - Miến ...). Ngoài ra, người Việt ở một số nơi làm gốm, người ta còn dùng phế phẩm của nghề này để xây tường. ở vùng ven biển, tường còn được làm bằng “đá sò”.

2.1.9. Trang trí nhà ở

Ở đây chúng tôi không đặt vấn đề “trang trí nội, ngoại thất” mà chỉ nói trang trí ở chính bản thân ngôi nhà. Một hiện tượng phổ biến là nhà của các dân tộc ít được quan tâm đến việc làm đẹp. Nếu có chẳng chỉ là ở lan can, khung cửa sổ, vách đan cải hoa, một vài hình khắc trên cột, trên cầu thang... Ai cũng rõ, các cư dân Tây Nguyên từ xa xưa đã có nghệ thuật tạc tượng tròn và trang trí nhà mô phỏng điêu luyện (đan cải hoa văn, chạm khắc...). Nhưng nghệ thuật này chỉ để phục vụ cho người chết, không phải để làm đẹp cho người sống. Riêng với người Việt, thì việc làm đẹp cho ngôi nhà rất được chú trọng. Ý thức này còn được thể hiện ở ngay khâu chọn vật liệu xây dựng, chọn thợ, chọn kiểu nhà,... Dù chỉ là ngôi nhà làm bằng tre, người ta cũng phải chọn tre thẳng, vách đan với các kiểu lồng khác nhau, các mối lạt cũng phải sao cho ngay ngắn ưa nhìn.

Còn những người khá giả với “nhà cao, cửa rộng” thì người ta đã huy động được mọi khả năng nghệ thuật: chạm, khắc, sơn, vẽ... làm cho ngôi nhà thật đẹp. Những hoạ tiết, những mảnh hoa văn trang trí trên các cấu kiện của khung nhà đều làm theo bài bản, có dụng ý hẳn hoi, không phải là ngẫu nhiên tùy tiện.

2.2. Tôn giáo tín ngưỡng và những kiêng cử liên quan đến nhà cửa

Tuyệt đại bộ phận các dân tộc nước ta đều có bàn thờ tổ tiên đặt ở những nơi trang trọng nhất trong nhà. Ngoài ra cũng có một số dân tộc còn thêm bàn thờ Phật, thờ Mụ (thần hộ mệnh của trẻ nhỏ) hoặc còn thêm bàn thờ các vị thần tối cao của đạo lão (Ngọc Thanh, Thái Thanh và Thượng Thanh). Riêng những người theo đạo Ki tô hoặc Tin lành trong nhà chỉ có bàn thờ chúa, không có bàn thờ tổ tiên.

Cũng như tục thờ cúng tổ tiên, một số tín ngưỡng thuộc phạm trù “tôn giáo nguyên thủy” như: vạn vật hữu linh, phồn thực, ... thấy ở hầu hết các dân tộc. Những vị thần này tuy không thờ trong nhà nhưng được cúng vào những dịp cần thiết (ốm đau, gặp tai nạn...)

Những tín ngưỡng và kiêng cử liên quan trực tiếp đến ngôi nhà rất nhiều. ở đây chỉ nói đến những gì chung nhất, và phổ biến ở nhiều dân tộc:

- Đại bộ phận các dân tộc, gia đình nào muốn làm nhà người ta phải xem tuổi của chủ nhân, năm đó có hợp hay không, nếu không thì phải chờ năm khác hay nhờ

người khác thay chủ nhà. Người này có trách nhiệm “động thổ” (cuộc một vài nhát ở miếng đất định dựng nhà) trước khi dựng nhà.

- Việc tìm kiếm vật liệu xây dựng, chủ yếu là gỗ, có rất nhiều kiêng cử hết sức phức tạp, có lẽ điển hình nhất là ở người Chăm, những kiêng cử này thể hiện trong suốt quá trình đi tìm gỗ đến khi mang gỗ về nhà. Một hiện tượng phổ biến là: trên đường đi tìm gỗ, nếu nghe thấy tiếng con mang tác, con rắn bò qua đường, cây gậy chẵn ngang đường... đoàn người đi kiếm gỗ phải quay về chờ ngày khác.

Có khi người ta còn phải kiêng lấy vật liệu xây dựng vào những ngày, những tháng nhất định trong năm. Những cây gỗ có dây leo cuốn quanh thân ("*xà leo*") những cây gỗ cụt ngọn, đặc biệt là những cây gỗ bị sét đánh, những cây bị chọn nhưng thấy gà rừng đến đậu trên ngọn... đều không được lấy.

- Tìm đất để làm nên nhà, nhiều cư dân phải chọn hướng (có hợp với tuổi chủ nhân hay không) chọn thế đất (theo thuyết phong thủy). ở nhiều dân tộc còn dựa vào việc “bói trứng” (Dao), bói bằng những hạt thóc hay gạo kết hợp với nằm mộng.

Còn rất nhiều nghi lễ và kiêng cử khác thuộc về ma chay, cưới xin liên quan đến ngôi nhà.

2.3. Quá trình chuyển đổi của nhà cổ truyền các dân tộc

Quá trình chuyển đổi của nhà cổ truyền các dân tộc diễn ra có khác nhau: Có dân tộc quá trình này diễn ra từ lâu, nhưng cũng có những dân tộc chỉ mới gần đây thôi.

Tác nhân của sự chuyển đổi này ở từng dân tộc cũng khác nhau. Có thể là do: thay đổi về môi trường sống, do phát triển kinh tế - xã hội, do giao lưu văn hoá giữa các dân tộc. Gần đây còn do chính sách định canh - định cư phát triển kinh tế mới, do các dân tộc bắt chước lẫn nhau, đặc biệt là các dân tộc ít người bắt chước kiểu nhà của người Việt, trong khi đó người Việt lại bắt chước kiểu nhà của người phương Tây.

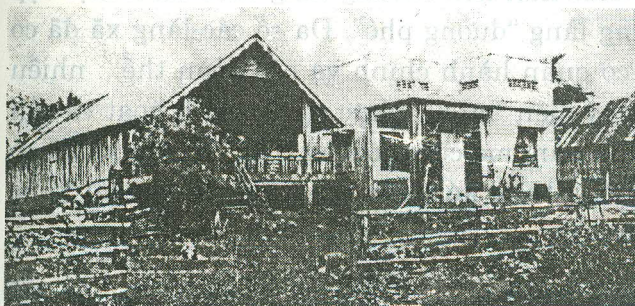
Sự chuyển đổi của nhà cổ truyền các dân tộc có thể quy về một số trường hợp:

- *Từ nhà sàn chuyển sang nhà đất*, trong số này có lẽ sớm nhất là người Việt, mãi sau này mới đến các dân tộc khác.

- *Từ nhà đất chuyển thành nhà sàn*, trường hợp này khá đặc biệt, phần lớn là ở các cư dân vốn từ xa xưa đã ở nhà đất: Lô Lô, Phù Lá, Dao, Hoa...

- *Từ nhà sàn dài chuyển thành nhà sàn ngắn*, hiện tượng này đã diễn ra chủ yếu ở các cư dân Môn - Khơ me phía nam và cư dân Malayô - Pôlinêxia. Còn nhà sàn dài hoặc nhà sàn ngắn chuyển thành nhà đất, những trường hợp này mới diễn

ra gần đây. Trường hợp nhà người Ê - đê là một ví dụ: Từ nhà sàn dài - nhà sàn ngắn - nhà lầu - nhà đất (hiện đại) (ảnh 6, 13, 14).



Ảnh 13: Nhà lầu với vật liệu cổ truyền của người Ê-đê



Ảnh 14: Nhà đất hiện đại của người Ê- đê

Quá trình chuyển đổi này không chỉ thay đổi về loại hình nhà (sàn, đất), kiểu nhà mà cách bố trí trên mặt bằng sinh hoạt cũng thay đổi... làm cho ngôi nhà cổ truyền mất dần, thay vào đó là những kiểu nhà hoàn toàn xa lạ với các dân tộc.

Trong sự thay đổi này, vật liệu xây dựng đã đóng một vai trò quan trọng, do những vật liệu cổ truyền ngày một khan hiếm. Song không vì vật liệu mới mà mất đi nhà cổ truyền. Điều chủ yếu là do quan niệm : phải làm nhà theo kiểu nhà người Việt hoặc nhà phương Tây (thực ra người ta cũng chưa biết thế nào là nhà phương Tây) với những vật liệu công nghiệp đắt tiền, hoa mỹ, lãng phí,.. mới là đổi mới, mới là hiện đại.

B. ĐÔI LỜI THAY KẾT LUẬN

Những hình thái cư trú cổ truyền đã nói tới ở trên đến nay đã khác đi rất nhiều. Những làng xưa giờ đây phần lớn đã là thôn của xã, chỉ những làng đất rộng người đông mới trở thành một xã (nhất xã - nhất thôn). Diện mạo của làng thay đổi, đến nay khó thể tìm được một làng của bất cứ dân tộc nào còn nguyên vẹn như xưa. Sự thay đổi này do nhiều nguyên nhân: Do chiến tranh tàn phá, do dân số phát triển, do dân chuyển cư đi nơi khác sinh sống, do định lại ranh giới hành chính... những dạng làng hình "bầu dục" hình "bánh xe" làng "phòng thủ" xưa hầu như đã đi vào dĩ vãng.

Tên làng, tên xã cũng nhiều thay đổi, nhiều làng, xã xưa đã mang những tên mới như: Vinh Quang, Thịnh Vương, Chiến Thắng, Hợp Nhất, Hợp Thành... những tên này mới đấy nhưng ít gần gũi, ít thân thương đối với dân cư, dân làng cũ vì nó đang làm "lu mờ" đi biết bao ký ức, biết bao kỷ niệm buồn vui đã đọng lại trong tâm hồn họ.

Cùng với đà phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, bộ mặt của làng xã mới đã và đang có nhiều thay đổi theo chiều hướng tiến bộ rất rõ rệt. Các làng xã mới phần nhiều đã có quy hoạch rõ ràng, có tổ chức hẳn hoi. Những làng theo kiểu mật tập xưa, nay cũng ít dần và thay bằng dạng làng “đường phố”. Đa số các làng xã đã có trường học, trạm y tế, trụ sở của các cơ quan hành chính và các đoàn thể... nhiều làng xã đã có lưới điện quốc gia hoặc thủy điện “mi ni” phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất - cái mà cư dân các dân tộc xưa kia nằm mơ cũng không thấy. Nhiều xã đã có thị tứ hoạt động hết sức nhộn nhịp chẳng thua kém các thị trấn, thị xã, cái khác của nó chủ yếu qui mô nhỏ hơn.

Đường làng ngõ xóm phong quang, sạch đẹp, nhiều nơi đã bê tông hoá rất thuận tiện cho các phương tiện đi lại của nhân dân.

Còn về nhà cửa thì như đã nói nhà cửa của các dân tộc nước ta chưa bao giờ có những thay đổi to lớn và nhanh chóng như ngày nay. Song bên cạnh niềm vui ấy hãy còn có nhiều điều trăn trở. Bởi vì đổi mới, hiện đại nhưng phải làm sao giữ được cái bản sắc văn hoá, bản sắc dân tộc như Đảng và cố Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở chúng ta. Đổi mới, hiện đại nhà cửa phải chăng là chạy theo những “cơn sốt”: nhà bê tông mái bằng, ban công “bụng chứa”, những “chóp củ hành”, “chóp nhọn”, giống như những nhà thờ, những mái bằng còn đội thêm cái “chuồng cu” thờ ông công, ông táo, thần tài, thần lộc, mái cong như mái đình... Phải chăng đấy là dân tộc và hiện đại ?

Nếu cứ đổi mới và hiện đại về nhà cửa như hiện nay và mất phương hướng như vậy, chắc chẳng bao lâu, mọi dân tộc từ miền xuôi đến miền núi, đâu đâu cũng có những kiểu nhà hao hao như nhau thì còn đâu là cái đa dạng, cái phong phú của nhà cửa các dân tộc nữa. Đổi mới, hiện đại phải chăng là “đồng nhất hoá” là “đơn điệu hoá” về nhà cửa các dân tộc.

Không nhất thiết phải thay đổi về loại hình nhà, về kiểu nhà cổ truyền mới là đổi mới và hiện đại. Có lẽ, cái cần phải thay đổi là “hiện đại hoá”, “công nghệ hoá” những vật liệu xây dựng cổ truyền. Coi trọng chất lượng của các gia cụ và các trang thiết bị ở trong nhà hơn là về số lượng. Điều quan trọng nhất là phải cải tạo tập quán cũ, nếp sống cũ lạc hậu ở trong nhà đã tồn tại từ bao đời nay.

Với đà thay đổi về nhà cửa như thế, thiết nghĩ: các Nhà bảo tàng, các Làng văn hoá dân tộc... ở trung ương cũng như các địa phương hãy mau giữ lấy (dưới mọi hình thức) những nhà cổ truyền của các dân tộc, mặc dù - nó đang bị khinh bạc. Nhưng rồi đây, người dân những “cơn sốt”, khi bình tĩnh trở lại thì đó là cái mà người ta cần.